

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG SƠN
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 10/2024/HSST
Ngày: 14/3/2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thủy

Bà Lê Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Thành- Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2024/TL-HSST ngày 22 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 07/2024/QĐXXST- HS ngày 29 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Duy T, sinh ngày 06/3/1991; Tại thôn Hiền Th, xã Đông H, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: thôn Hiền Th, xã Đông H, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Duy Ch (đã chết) và bà Lê Thị Kh, sinh năm 1965; có vợ : Lê Thị Tr, sinh năm 199; con: Chưa có; tiền sự: Không

Tiền án:

- Ngày 28/9/2012 bị Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xử phạt 7 năm tù về tội “Cướp tài sản”; chấp hành xong ngày 08/9/2017.

- Ngày 30/6/2020 bị Toà án nhân dân huyện Đông Sơn xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 02/3/2021 (Tài sản trộm cắp trị giá 1.000.000 đồng).

- Ngày 01/12/2021 bị Toà án nhân dân huyện Đông Sơn xử phạt 15 tháng tù; chấp hành xong bản án ngày 20/12/2023 (Tài sản trộm cắp trị giá 1.150.000 đồng).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/12/2023 đến ngày 13/12/2023 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Anh Đỗ Văn Q, sinh năm 1971 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn 4, xã Đông M, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bà Trần Thị T, sinh năm 1964 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn 3, xã Đông M, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa.

3. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1959 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn 4, xã Đông M, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :

- Anh Mai Ngọc H, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố Thống Nh, thị trấn Rừng Th, huyện Đ, Thanh Hóa.

- Chị Lê Thị B, sinh năm 1971 (Vắng mặt)

Trú tại: thôn Tuyên H, xã Đông Kh, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Lê Tuyên Th, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Trú tại: thôn 4, xã Đông M, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa.

- Anh Nông Bá H, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Thị T, xã Đồng T, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ ngày 05/12/2023, Lê Duy T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 36B2 - 629.76 của anh rể là Nông Bá H, sinh năm 1982 ở xã Đồng T, huyện Tr đi từ nhà ra khu vực xã Đông M, huyện Đ để đổ xăng. Trên đường đi đến nhà bà Trần Thị T, sinh năm 1964, ở thôn 3, xã Đông M, huyện Đ, Toàn quan sát thấy gia đình bà T không có người ở nhà, cửa quán không đóng, trong quán có để 01 (một) máy rửa xe nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp nên dựng xe rồi đi vào quán nâng chiếc máy rửa xe để lên phía sau xe mô tô rồi chở đến quán sửa xe gia đình anh Mai Ngọc H, sinh năm 1978 ở khu phố Thống Nh, thị trấn R, huyện Đ để bán. Khi đến quán T gặp anh H và nói với anh H chiếc máy bơm là của gia đình T đã cũ không dùng nữa nên đem đi bán. Nghe vậy anh H đồng ý mua với giá 400.000 đồng. T nhận tiền rồi chi tiêu cá nhân hết.

Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, T tiếp tục đi xe đến khu vực nhà bà T, khi đi qua gia đình ông Đỗ Văn Q, sinh năm 1971 ở thôn 4, xã Đông M, huyện Đ, T quan sát thấy không có ai ở nhà, bên hông nhà để 02 (hai) chiếc máy bơm nước, 01 (một) chiếc màu xanh lá cây nhãn hiệu TOYUKY và 01 (một) chiếc không rõ nhãn hiệu nên T đi vào xách 02 (hai) chiếc máy bơm để ở phía trước của xe mô tô. Sau khi trộm cắp 02 chiếc máy bơm của gia đình ông Q xong, Lê Duy T quan sát thấy gia đình bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1959 ở bên cạnh gia đình ông Q có để 01 (một) cuộn dây

thép lưới B40 ở ngay cạnh đường không có người trông coi nên T đã bê cuộn dây thép để sau xe rồi chở đến cửa hàng thu mua phế liệu của gia đình bà Lê Thị B, sinh năm 1971, ở thôn Tuyên H, xã Đ, huyện Đ bán 01 chiếc máy bơm và cuộn dây thép cho bà B với giá 400.000 đồng. Chiếc máy bơm còn lại T đã mang đến cửa hàng của gia đình anh Lê Tuyền Th, sinh năm 1987, ở thôn 4, xã Đông M, huyện Đ bán với giá 300.000 đồng. Toàn bộ số tiền bán tài sản trộm cắp T đã chi tiêu hết.

Ngày 11/12/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đông Sơn đã yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đông Sơn định giá số tài sản do Lê Duy T trộm cắp.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 19/KL- HĐĐGTS ngày 11/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện Đông Sơn kết luận:

- 01 Máy rửa xe đã qua sử dụng, có giá là 1.700.000 đồng
- 01 Máy bơm màu xanh nhãn hiệu TOYUKY, đã qua sử dụng, có giá là 1.200.000 đồng.
- 01 Máy bơm không rõ nhãn hiệu, đã cũ, không còn sử dụng được, có giá là 400.000 đồng.

Tổng số tiền là: 3.300.000 đồng (Ba triệu ba trăm nghìn đồng)

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 20/KL-HĐĐGTS ngày 11/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện Đông Sơn kết luận: 01 cuộn dây thép B40, nặng 40kg có giá trị 1.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 12/Ctr – KSĐT ngày 19/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Lê Duy T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thành khẩn khai báo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1,2 Điều 51; điểm g, h Điều 52 ; Điều 38 - BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Lê Duy T từ 21 đến 24 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự :

- Đối với 01 máy rửa xe; 02 máy bơm và 01 cuộn dây thép lưới B40, Cơ quan điều tra đã trả lại cho gia đình các bị hại là bà Nguyễn Thị Th, Trần Thị T và ông Đỗ Văn Q, các bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về dân sự.

- Đối với anh Mai Ngọc H, chị Lê Thị B, anh Lê Tuyền Th là những người đã mua lại tài sản do Lê Duy T trộm cắp, nhưng khi Toàn bộ tài sản trộm cắp được cho những người này đã không nói là tài sản trộm cắp mà có và khi mua anh H, chị B, anh Th cũng không biết đó là tài sản do T trộm cắp mà có. Vì vậy, không có cơ sở để xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh H, bà B và ông Th.

- Đối với xe mô tô BKS 36B2-629.76 mà Lê Duy T dùng làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội là xe của anh Nông Bá H, là anh rể của bị cáo. Cơ quan CSĐT Công an huyện Đông Sơn đã xác minh việc bị cáo T lấy xe để đi thực hiện hành vi phạm tội, anh H không biết nên không xem xét xử lý đối với anh H, đồng thời trả lại chiếc xe mô tô cho anh H, anh H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, Quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an huyện Đông Sơn, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Qua xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận: Mặc dù đã có nhiều tiền án về các tội cướp tài sản và trộm cắp tài sản trước đó, khi vừa chấp hành xong hình phạt về tội trộm cắp tài sản về địa phương T lại tiếp tục phạm tội. Trong khoảng thời gian từ 08 giờ đến 09 giờ 30 phút ngày 05/12/2023, Lê Duy T đã liên tục 03 lần thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản là 01 máy rửa xe; 02 máy bơm nước và 01 cuộn dây thép B40 với tổng trị giá tài sản thiệt hại là 4.300.000 đồng (Bốn triệu ba trăm nghìn đồng).

[3] Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; Phù hợp với kết quả xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa. Do đó cáo trạng và lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ. Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để khẳng định: Hành vi của Lê Duy T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ của tội phạm: Hành vi của Lê Duy T là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe không chịu lao động chân chính, ăn chơi đua đòi dẫn đến hành vi vi phạm pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác mà còn gây mất trật tự an ninh xã hội, gây bất bình trong quần chúng nhân dân do đó cần được đưa ra xử lý nghiêm theo pháp luật hình sự. Bị cáo có tiền án ngày 28/9/2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 7 năm tù về tội “Cướp tài sản”; chấp hành xong ngày 08/9/2017. Ngày 30/6/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn xử

phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 02/3/2021 (Tài sản trộm cắp trị giá 1.000.000 đồng). Ngày 01/12/2021 bị Toà án nhân dân huyện Đông Sơn xử phạt 15 tháng tù; thời hạn chấp hành xong bản án ngày 20/12/2023 (Tài sản trộm cắp trị giá 1.150.000 đồng). Vì vậy cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục cải tạo và phòng ngừa chung.

[5] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã phạm tội nhiều lần và phạm tội thuộc trường hợp “*tái phạm*” theo quy định tại các điểm đ, g và h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình Điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, sau khi phạm tội đã đến cơ quan Điều tra đầu thú. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1,2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo, sớm trở thành công dân tốt.

[6] Hình phạt bổ sung : Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có tài sản và không có nghề nghiệp ổn định. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

- Đối với 01 máy rửa xe; 02 máy bơm và 01 cuộn dây thép lưới B40, Cơ quan điều tra đã trả lại cho gia đình các bị hại là bà Nguyễn Thị Th, Trần Thị T và ông Đỗ Văn Q đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với anh Mai Ngọc H, bà Lê Thị B, anh Lê Tuyển Th là những người đã mua lại tài sản do Lê Duy T trộm cắp, nhưng khi T bán tài sản trộm cắp được cho những người này đã không nói là tài sản trộm cắp mà có và khi mua anh H, chị B, anh Th cũng không biết đó là tài sản do T trộm cắp mà có. Vì vậy, không có cơ sở để xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh H, bà B và ông Th.

- Đối với xe mô tô BKS 36B2-629.76 mà Lê Duy T dùng làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội là xe của anh Nông Bá H, là anh rể của bị cáo. Cơ quan CSĐT Công an huyện Đông Sơn đã xác minh việc bị cáo T lấy xe để đi thực hiện hành vi phạm tội, anh H không biết nên không xem xét xử lý đối với anh H, đồng thời trả lại chiếc xe mô tô cho anh H, anh H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ : Khoản 1 Điều 173 ; điểm s khoản 1,2 Điều 51 ; điểm g, h Điều 52 ; Điều 38 – Bộ luật hình sự ; Điều 6 ; điểm a khoản 1 Điều 23, Khoản I mục 1 Danh

mục án phí, lệ phí (ban hành kèm theo nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016) của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Duy T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Duy T 21(hai mươi một) tháng tù. Thời gian chấp hành án phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 07/12/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về bồi thường dân sự: Công nhận phần dân sự đã giải quyết xong.

Về án phí: Buộc Lê Duy T phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án ND Tỉnh;
- VKSND tỉnh ;
- VKSND huyện Đông Sơn ;
- CQCSĐT Công an huyện Đông Sơn ;
- Chi cục Thi hành án H Đông Sơn ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Hà

